TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 277/2026/HNGĐ-ST
Ngày 01 – 7 - 2026
Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 01 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 390/2026/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp TT, xã TH, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 096193013329 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/6/2021 (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Võ Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp TT, xã TH, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Bùi Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T chung sống năm 2019, đến năm 2020 đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện CN, tỉnh Cà Mau (nay UBND xã TH, tỉnh Cà Mau), hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, chị và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp dẫn đến cự cãi và ly thân cách đây trên ba tháng. Chị xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có một con chung là cháu Võ Công V, sinh ngày 13/10/2020, đang sống cùng anh T. Khi ly hôn, chị N đồng ý giao cháu Vinh cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có.

Đối với anh Võ Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị N, anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên được thừa nhận là vợ chồng. Xét nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N xác định do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp dẫn đến cự cãi. Anh T không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị N. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị N được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Cháu V sống cùng anh Tuấn từ khi chị N, anh T ly thân đến nay, cuộc sống của cháu đã ổn định và chị N đồng ý giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu V cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thị N, cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Võ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Công V, sinh ngày 13/10/2020 cho anh Võ Văn T tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Bùi Thị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006179 ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, chị N đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã TH, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng